TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày 28/02/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Ngô Thị T

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Anh V và Ông Trương Quang H .

- *Thư ký phiên toà*: Ông Lâu Văn C , Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:*

Ông: Trương Văn P - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/TLST-HS ngày 16/01/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HS ngày 14/02/2019 đối với bị cáo:

Hà Văn C ; Giới tính: Nam. Sinh năm: 1988 tại xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Bản Na Tao, xã Pù Nhi, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 09/12. Con ông: Hà Văn T , sinh năm 1960. Con bà: Hà Thị L , sinh năm 1960. Cả bố và mẹ của C hiện tại đều ở bản Bút, xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Vợ: Lộc Thị H , sinh Năm: 1986. Nơi ĐKHKTT: xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Có một con, sinh năm 2008

Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo sử dụng ma túy; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/10/2018. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông: Hà Văn K , trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 21/10/2018, bị cáo mượn xe máy biển kiểm soát 36 K3 – 7333 của Lộc Quang C , sinh năm 1973 ở Bản Pọong 1, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa để đi lấy củi. Sau khi mượn được xe bị cáo điều khiển xe theo quốc lộ 15C lên huyện Mường Lát để tìm mua ma túy sử dụng. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo đến cầu G9 thuộc bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, gặp một người đàn ông dân tộc Mông không biết tên đang đứng ở cầu. Qua trao đổi với nhau, bị cáo đã đưa số tiền 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*) cho người đàn ông dân tộc Mông này để nhờ mua giúp Heroine, người này nhận lời rồi cầm tiền đi sang bản Khằm Nàng (Lào) mua Heroine bị cáo đứng ở cầu G9 đợi. Khoảng 30 phút sau, người này quay lại đưa cho bị cáo một gói nilon màu hồng bên trong chứa hai cục Heroine. Bị cáo cầm gói Heroine đi lên rừng cất giấu vào hậu môn của mình rồi đi lấy củi, hái măng. Đến khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, bị cáo điều khiển xe máy theo quốc lộ 15C đi đến bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì bị Đồn Biên phòng Trung Lý yêu cầu dừng xe để kiểm tra đã phát hiện thu giữ toàn bộ số ma túy ma bị cáo vừa mua được.

Tại bản Kết luận giám định số: 2218/MT-PC09 ngày 23 tháng 10 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

Hai cục bột màu trắng dạng nén của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,224g (ba phẩy hai hai bốn gam) loại: Heroine

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo C phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-ML ngày 15/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015.

Lời luận tội của đại diện VKS tham gia phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố như đã nêu trong bản Cáo trạng, đề ghị HĐXX:

+ Về tội danh: Tuyên bị cáo phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy"*

+ Về điều luật: Áp dụng: Điểm s khoản 1 điều 51; Điểm c khoản 1 điều 249 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

+ Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo: Từ **0** ( ) năm **0** ( ) tháng đến **0** ( ) năm tù giam.

+ Hình phạt bổ sung: Bị cáo hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, không có tính thực thi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Về vật chứng: Căn cứ điều 106 BLTTHS, tuyên tịch thu tiêu hủy số heroin là mẫu vật còn lại sau giám định;

+ Về án phí: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa: Người bào chữa thống nhất với quan điểm truy tố của đại diện VKS về tội danh và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Người bào chữa cho rằng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, xử bị cáo hình phạt thấp nhất.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát và Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán và Thư ký trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đồng tình với ý kiến của người bào chữa và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo*: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định bị cáo tàng trữ **3,224g** *(ba phẩy hai hai bốn gam)* Heroine, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân đã cấu thành tội: *Tàng trữ trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự Nước CHXHCN Việt Nam, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ.

[3]. *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng là nguy hiểm cho bản thân bị cáo và toàn xã hội, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền về ma túy của Nhà Nước. Ma tuý hiện nay đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội và là nguyên nhân phát sinh những loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu tránh nhiệm hình sự, biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy của mình là vi phạm pháp luật bị cộng đồng xã hội lên án nhưng vẫn cố thực hiện.

- Xét tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. *Về hình phạt:*

- Hình phạt chính: Bị cáo là người sử dụng ma túy, với tính chất nghiêm trọng của tội phạm về ma túy, xét nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nghiện may túy, kinh tế khó khăn, không có tính thực thi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. *Về vật chứng trong vụ án:*

- Số ma túy là mẫu vật còn lại sau trích mẫu giám định là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

- Chiếc xe tạm giữ trong vụ án kể trên, quá trình điều tra xác định được chiếc xe máy là hợp pháp của anh Lộc Quang C , sinh năm 1973, trú tại bản Pọong 1, xã Hiền Kiệt, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Xét thấy Chiểu không biết Chốt mượn xe máy để đi mua ma túy và Chiểu không liên quan đến hành vi phạm tội của Chốt nên Cơ quan CSĐT đã trả lại cho anh Chiểu theo quy định của pháp luật.

- Thẻ căn cước công dân mang tên Hà Văn C ; giấy phép lái xe mang tên Hà Văn C ; ví da mầu nâu; điện thoại di động NOKIA màu đen, đã qua sử dụng; số tiền 1.000.000đ (một triệu VNĐ) đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện Mường Lát, là tiền và tài sản, đồ dùng cá nhân của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng quy trữ ; số tiền 1.000.000đ (một triệu VNĐ) để đảm bảo việc thi hành án đan sự.

[6]. *Đánh giá về những vấn đề khác:*

Theo lời khai của bị cáo Người đàn ông dân tộc Mông (theo lời khai của Hà Văn Chốt) là người Chốt nhờ đi mua ma túy cho Chốt thì Cơ quan CSĐT không có căn cứ để xác minh làm rõ vì C không biết danh tính cụ thể người này.

[7]. *Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị:* Bị cáo có tội nên phải nộp tiền án phí HSST và có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Về điều luật: Căn cứ điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tội danh: Tuyên Hà Văn C phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Về Hình phạt: Xử phạt bị cáo:

+ Hình phạt chính: **0** ( ) năm tù;

Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (21/10/2018)

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy:

Phong bì đựng toàn bộ số ma túy do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ Hà Văn Chốt, được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên của Lại Thị Thanh Loan, Lê Minh Tiến, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Trần Đăng và các hình dấu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa làm giáp lai;

Trả lại cho bị cáo:

- Thẻ căn cước công dân mang tên Hà Văn C;
- Giấy phép lái xe mang tên Hà Văn C ;
- Điện thoại di động NOKIA màu đen (Đã qua sử dụng);
- Ví da màu nâu (Đã qua sử dụng);
- 1.000.000 (*Một triệu*) đồng tiền Việt Nam;

Quy trữ số tiền 1.000.000 (*Một triệu*) đồng tiền Việt Nam; tại chi cục THADS huyện Mường Lát để đảm bảo việc thi hành án.

Vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ tại kho tang vật của Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định chuyển vật chứng số: 03/QĐ-VKS-ML ngày 16/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát; biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/01/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Căn cứ điều 135, điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên: Bị cáo nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí HSST.

Về kháng cáo và kháng nghị: Căn cứ điều 331; điều 333 và điều 337 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H.Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Pù Nhi, H. Mường Lát;
- UBND xã Nam Xuân, H. Quan Hóa
- Bị cáo; Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Ngô Thị T